TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH QUẢNG NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2019/QĐST-KDTM	*H, ngày 31 tháng 01 năm 2019*

QUẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên hoà giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 01/2018/TLST-KDTM ngày 07 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: Số 2 đường Láng Hạ, phường Th, quận B, Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị H - chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch H2 - Ngân hàng N - Chi nhánh C, Quảng Ninh.

* *Bị đơn*: Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1971. Địa chỉ: tổ 9, khu 4, phường Tr, Tp H, tỉnh Quảng Ninh.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- **Lâm Quang D**, sinh năm 2000. Địa chỉ: tổ 9, khu 4, phường Tr, Tp H, tỉnh Quảng Ninh

- **Lâm Duy Hải N**, sinh năm 2005. Địa chỉ: Tổ 9, khu 4, phường Tr, Tp H, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị T (Là mẹ đẻ cháu N).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng N đã cho bà Bùi Thị T và ông Lâm Văn U (đã chết - Hàng thừa kế thứ nhất gồm: bà Bùi Thị T, cháu Lâm Quang D, cháu Lâm Duy Hải N) vay và giải ngân số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 11/HĐTD ngày 30/11/2012; Phụ lục hợp đồng số 11/PLHĐ ngày 13/5/2013; Phụ lục hợp đồng số 11.1/PLHĐ ngày 25/11/2013 và Phụ lục hợp đồng số 11.2/PLHĐ ngày 06/5/2014.

Tính đến hết ngày 23/01/2019 bà Bùi Thị T và ông Lâm Văn U còn nợ Ngân hàng N 5.616.452.833đ (*Năm tỷ sáu trăm mười sáu triệu bốn trăm lăm mươi hai nghìn tám trăm ba mươi ba đồng*). Trong đó: Nợ gốc 2.996.000.000đ; Lãi trong hạn 2.118.100.433đ và Lãi quá hạn 502.352.400đ;

2.2. Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Từ tháng 3/2019 đến hết ngày 30/6/2019 mỗi tháng bà T trả Ngân hàng N ít nhất 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) vào ngày 25 dương lịch hàng tháng.

Chậm nhất đến hết ngày 30/6/2019 bà T cam đoan trả toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến hết ngày 23/01/2019 là: 5.616.452.833đ và số tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 24/01/2019 cho đến khi bà T trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 11/HĐTD ngày 30/11/2012; Phụ lục hợp đồng số 11/PLHĐ ngày 13/5/2013; Phụ lục hợp đồng số 11.1/PLHĐ ngày 25/11/2013 và Phụ lục hợp đồng số 11.2/PLHĐ ngày 06/5/2014.

Trường hợp đến hết ngày 30/6/2019 bà T không trả được toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn thì ngày 01/7/2019 bà T tự nguyện bàn giao tài sản thế chấp là nhà ở và quyền sử dụng đất hợp pháp diện tích đất 50m2 tại ô số 31 - Lô F QH chi tiết KTX tái định cư vườn rau Yết Kiêu, Lô 1, 2 năm tầng Phố mới thuộc phường Tr, Tp H, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 937331, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 9281 do Ủy ban nhân dân Tp H cấp ngày 09/3/2005 cho ông Lâm Văn U và bà Bùi Thị T theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 11/TC ngày 30/11/2012 cho Ngân hàng N xử lý theo quy định của pháp luật. Trường hợp bà T không tự nguyện bàn giao tài sản thì Ngân hàng N từ ngày 01/7/2019 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của bà Bùi Thị T để thu hồi nợ.

Trường hợp tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng N buộc bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng N.

2.3. Về án phí: Ngân hàng N tự nguyện chịu 28.404.000đ *(Hai mươi tám triệu, bốn trăm linh bốn nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 56.745.000đ *(Năm mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)* tạm ứng đã nộp ngày 04/12/2018 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000428 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Trả lại Ngân hàng N 28.341.000đ *(Hai mươi tám triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng)*.

Bà Bùi Thị T tự nguyện chịu 28.404.000đ *(Hai mươi tám triệu, bốn trăm linh bốn nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, Chi cục THADS Tp H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Tâm